TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-ST.
Ngày: 28-11-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Ông Nguyễn Văn Châu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Yến là Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lý Thị Hồng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc; cư trú tại phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Ngọc A, cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang, văn bản ủy quyền số 897/2018/QĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 06 tháng 9 năm 2018 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn ông Dương Ngọc A trình bày:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T, địa chỉ thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng tín dụng số 0068245CT004L2 ngày 08 tháng 11 năm 2016, cụ thể: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.333.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả 3.353.000 đồng, bắt đầu trả kỳ đầu tiên từ ngày 20 tháng 12 năm 2016, kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, ngày trả nợ cuối cùng 07/11/2021, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình, lãi suất cho vay cố định 10,6%/năm từ ngày 08/11/2016 đến ngày 07/11/2017, sau ngày 07/11/2017 áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 24 tháng 7 năm 2018, ông C, bà D còn phải thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 145.071.915 đồng. Trong đó: Nợ gốc 141.582.782 đồng, lãi trong hạn 3.393.766 đồng, lãi quá hạn 95.367 đồng.

Ngân hàng nhiều lần đôn đốc ông C, bà D yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay, ông C, bà D cam kết nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Sau khi Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án thì đến ngày 08/11/2018 ông C và bà D có trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 7.000.000 đồng và ngày 19/11/2018 ông C và bà D có trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 8.000.000 đồng. Tính đến ngày 28 tháng 11 năm 2018, ông C và bà D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 137.997.305 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0068245CT004L2 ngày 08 tháng 11 năm 2016, với số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Tổng cộng nợ gốc,

lãi là 137.997.305 đồng và phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng nêu trên đến khi khách hàng trả tất nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị D có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T, địa chỉ thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng tín dụng số 0068245CT004L2 ngày 08 tháng 11 năm 2016, với số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.333.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả 3.353.000 đồng, bắt đầu trả kỳ đầu tiên từ ngày 20 tháng 12 năm 2016, kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, ngày trả nợ cuối cùng 07/11/2021, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình, lãi suất cho vay cố định 10,6%/năm từ ngày 08/11/2016 đến ngày 07/11/2017, sau ngày 07/11/2017 áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Vợ chồng ông C, bà D vẫn thực hiện đúng theo hợp đồng cho đến tháng 5 năm 2018, do bà D bị bệnh cần tiền chữa trị nên ông C, bà D chỉ đóng được 3.500.000 đồng. Đến ngày 08/11/2018, ông C và bà D có trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 7.000.000 đồng và ngày 19/11/2018 ông C và bà D có trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 8.000.000 đồng. Tính đến ngày 28 tháng 11 năm 2018, ông C và bà D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 137.997.305 đồng.

Ông C xin Ngân hàng cho ông và bà D trả số nợ trên theo thỏa thuận trong hợp đồng, trả tiền vốn gốc hàng tháng là 3.333.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D thống nhất với lời khai của chồng bà là ông Nguyễn Văn C. Bà D và ông C có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T theo hợp đồng tín dụng số 0068245CT004L2 ngày 08 tháng 11 năm 2016. Tính đến hết ngày 24/7/2018, bà và ông C còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 141.582.782 đồng và lãi suất theo hợp đồng. Bà D thống nhất với lời trình bày của ông C là xin Ngân hàng cho bà và ông C trả số nợ trên theo thỏa thuận trong hợp đồng, trả tiền vốn gốc hàng tháng là 3.333.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng cho đến khi dứt nợ

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn Nguyễn Văn C, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn Nguyễn Thị D chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng căn cứ vào hợp đồng số 0068245CT004L2 ngày 08 tháng 11 năm 2016 giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T với bên vay là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D, cùng địa chỉ ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho Ngân hàng nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Ngân hàng đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị D.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng trình bày: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông C, bà D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 145.071.915 đồng. Trong đó: Nợ gốc 141.582.782 đồng, lãi trong hạn 3.393.766 đồng, lãi quá hạn 95.367 đồng. Đến ngày 08/11/2018 ông C và bà D có trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 7.000.000 đồng và ngày 19/11/2018 ông C và bà D có trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 8.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử

28/11/2018, ông C, bà D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông C, bà D phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 28/11/2018, số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 137.997.305 đồng và phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng nêu trên đến khi khách hàng trả tất nợ cho Ngân hàng.

[1.4] Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn và bị đơn C, D đều thống nhất: Vào ngày 08/11/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T, địa chỉ thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang có ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D theo hợp đồng tín dụng số 0068245CT004L2: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.333.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả 3.353.000 đồng, bắt đầu trả kỳ đầu tiên từ ngày 20 tháng 12 năm 2016, kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, ngày trả nợ cuối cùng 07/11/2021, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình, lãi suất cho vay cố định 10,6%/năm từ ngày 08/11/2016 đến ngày 07/11/2017, sau ngày 07/11/2017 áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần B, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tính đến ngày 28/11/2018, ông C, bà D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 137.997.305 đồng. Như vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh trong vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 137.997.305 đồng và tiếp tục tính lãi từ sau ngày xét xử cho đến khi ông C, bà D trả hết nợ. Các bị đơn xin Ngân hàng cho trả số nợ trên theo thỏa thuận trong hợp đồng, trả tiền vốn gốc hàng tháng là 3.333.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng cho đến khi dứt nợ nhưng đại diện của Ngân hàng không đồng ý, đồng thời vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác

thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật" và theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đồng thời, trong hợp đồng tín dụng nêu trên cũng đã thỏa thuận bên vay là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà D đã không trả đầy đủ, đúng hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà D trả tiền vốn gốc và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền như sau: Số tiền vốn gốc 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 137.997.305 đồng (số tiền lãi tính từ ngày 21/5/2018 đến ngày 28/11/2018)

[7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu B khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay (Ngân hàng thương mại cổ phần B) thì lãi suất mà khách hàng vay (ông C, bà D) phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 137.997.305 đồng = 6.899.865 đồng.

[10] Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B.

2. Xử buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay vốn gốc còn nợ là 126.582.782 đồng, lãi trong hạn 10.585.101 đồng, lãi quá hạn 829.422 đồng (số tiền lãi tính từ ngày 21/5/2018 đến ngày 28/11/2018). Tổng cộng nợ gốc, lãi là 137.997.305 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm lẻ năm đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay (Ngân hàng thương mại cổ phần B) thì lãi suất mà khách hàng vay (ông C, bà D) phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

4.1. Các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D phải chịu 6.899.865 đồng (sáu triệu tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 3.626.797 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003507 ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn